| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ái Hòa
2. Ông Nguyễn Tấn Minh

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm: 1983, (*có đơn xin vắng mặt*);

- *Bị đơn*: anh Đặng Văn L, sinh năm: 1980, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 27-7-2023, Bản tự khai đề ngày 01-10-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày:*

- Về hôn nhân: chị và anh Đặng Văn L tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại xã P, T. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc, tất cả là 10 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng bán làm vốn hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, đến năm 2004 vợ chồng mua đất xây nhà ra ở riêng tại P, P, T, chị đi làm công nhân, anh L làm ruộng. Vợ chồng sống đến giữa năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, anh L hay uống rượu về kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, nên vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau, có lần anh đánh chị, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022. Lúc đó anh L có đến năn nỉ rước chị về ở lại, nhưng

chị không đồng ý, do anh không thay đổi tính tình. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên chị xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: có 02 con là Đặng Thị M, sinh ngày 05-5-2001 và Đặng Thị M1, sinh ngày 17-8-2005, hai con đã trưởng thành lập gia đình ở riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường, gắn liền với đất diện tích ngang 18m, dài 75m và 40 cao đất ruộng tại ấp P, xã P, thị xã T, do hai vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện anh L đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Ngày 18-3-2024 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn anh Đặng Văn L vắng mặt nên không có ý kiến*: Tòa án đã triệu tập, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, dự phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án*:

*Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin vắng mặt có lý do; anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt làm kéo dài thời gian giải quyết án, nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc T đối với anh Đặng Văn L; về con chung: có 02 cháu là Đặng Thị M, sinh ngày 05-5-2001 và Đặng Thị M1, sinh ngày 17-8-2005 đã trưởng tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: chị T không yêu cầu, anh L không có ý kiến, nên không giải quyết; về nợ chung: chị T khai không có, anh L không có ý kiến, nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do; chị T có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị T, anh L tự nguyện cưới nhau vào năm 2000, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ giữa năm 2022.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ giữa năm 2022. Theo chị T là do anh L hay uống rượu về kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, nên vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau, có lần anh đánh chị, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022. Anh L thì vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án, không cung cấp lời khai, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2022, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 cháu tên Đặng Thị M, sinh ngày 05-5-2001 và Đặng Thị M1, sinh ngày 17-8-2005, hai cháu đã trưởng tự lao động sinh sống được và đã lập gia đình ở riêng, chị không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến, nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: chị T khai có 01 căn nhà tường, gắn liền với đất diện tích ngang 18m, dài 75m và 40 cao đất ruộng tại ấp P, xã P, thị xã T, do hai vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện anh L đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu; anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: chị Đỗ Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc T đối với anh Đặng Văn L. Chị T được ly hôn với anh L.

**2**. *Về con chung*: có 02 cháu Đặng Thị M, sinh ngày 05-5-2001 và Đặng Thị M1, sinh ngày 17-8-2005, hai cháu đã trưởng tự lao động sinh sống được, chị T không yêu cầu; anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

**3**. *Về tài sản chung*: chị T không yêu cầu; anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

**4**. *Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu; anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

**5**. *Về án phí*: chị Đỗ Thị Ngọc T chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ

thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014976 ngày 10-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

**6.** *Quyền kháng cáo*: các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**